

PHẬT-GIÁO HỘI  
ASSOCIATION BOUDDHIQUE

# ĐUỐC - TUỆ

TUẦN BÁO RA NGÀY 1<sup>o</sup> VÀ 15

Báo quán ở chùa Quán Sứ N 73 Richaud, Hanoi



Chủ-nhiệm : Nguyễn-năng-Quốc  
Chánh-hội-trưởng-hội-Phật-giáo  
Quản-ly : Cung-dinh-Bính

Chánh-chủ-bút Phan-chung-Th  
Sư-cu-chùa Hàng-Số  
Phó-chủ-bút : Dương-văn-Hiền  
Sư-cu-chùa Tế

GIA BẢO : Cả năm 1\$50. Nửa năm 0\$80. Mỗi số 407.

# MỤC LỤC

	Số trang
Văn đề chính đôn phục sức của tầng giới Bắc-kỳ	3-5
Luận về sách Khóa-hư (tiếp theo)	6-9
Việt-nam Thiên-tông thể hệ (tiếp theo)	10-11
Văn Uyển	12-14
Đạo Phật ở đất Mường	15-22
Đạo Phật có cơ Hưng-thịnh	22-24
Bài Thuyết pháp	25-29
Phương danh các vị cùng tiền ông đức làm chùa Trung-ương	30
Khóa-hư giảng-yếu (tiếp theo)	31-34
Cổ con gái Phật hái dâu (tiếp theo)	35-38
Phật giảng cái nghĩa chân bình đẳng	39
Thời sự	40-42

## Trung-hoa dân-quốc

Trận Âu-chiến 1914 còn ly-kỳ oanh-liệt gấp  
mười trận Trung Nhật ngày nay, ở trong có  
đầy đầy những sự ly-kỳ bi-hiêm, chẳng khác  
thuật ma phép thành của những tay trình thám  
đại tài trên thế giới. Độc-giả thử đọc Đông-Tây  
từ Jun trở đi sẽ say sưa hứng thú về khoa học  
chiến tranh siêu phàm của giống Nhật-nhĩ-Mãn  
đang ở lập Trung hoa Dân-quốc.

Đông Tây, báo mỗi số 0\$04  
6 tháng 2\$00. 1 năm 3\$80.

Tòa soạn :

N° 17, Francis Garnier - Hanoi

## GIẤY NÓI

Số 8 : Cụ Chánh Hội-trưởng, Thái-hà-ấp.

Số 83 : in Đ. T. chùa Quán-sư, số 73 Richaud Hanoi

song tiếc vì lời văn trong các bài này hay dùng nhiều điều cũ và thể biền-ngẫu nên khó nhận được chỗ nào là nghĩa mới phát-minh của tác-giả. Đến như những bài kệ thì rất là thanh-thoát, cao-siêu, lúc là lối kệ « công-án » của phái Thiên-tông, có cái nghĩa riêng, khó phò diễn ra được. Bài này tạm dịch vài bài kệ sẽ lựa ở đoạn sau.

2. Triết-lý — Trong sách Khóa-hư có hai chỗ dịch-xác là ý-kiến của tác-giả Trần Thái-tông mới phát huy ra. Hai chỗ ấy là :

a) Thuyết-Phật-Thánh phân công hợp tác. — Ở Đông-phương từ cổ có hai đạo giáo lớn là Khổng với Phật. Thường thấy kẻ học Khổng hay chê Phật là hư-không, kẻ học Phật hay bác Khổng là thấp-bữ 執有. Song đó điều là bọn hủ-lậu thiên-trấp cả.

Không biết rằng Lai đạo ấy mỗi bên có một cái tinh-chất đặc biệt; mỗi tinh-chất làm một công-việc mà cùng giúp ích cho nhau đã tạo nên cái cuộc đời tốt-đẹp và lên văn-hóa tinh-túy ở cõi Đông-phương này.

Muốn điều-hòa cho hai bọn thiên-trấp ấy, Lục-tổ Thiên-tông Trung-quốc đã nói: « Tiên Đại Thánh-nhân (Khổng) với Đại-sur (Phật) không khác gì nhau ». Song Lục-tổ nói thế là cách hõn hợp, còn hàm-hỗ, lại càng khiến cho người ta dễ nhận sai, tưởng đạo Khổng cũng đủ như đạo Phật, đạo Phật cũng đủ như đạo Khổng, thì học Phật mà không học Khổng cũng được, hay là học Khổng mà không học Phật cũng được.

Như thế thành ra thiên-trấp cũng vẫn là thiên-trấp, có chăng chỉ khỏi cái thối hay bài-xích lẫn nhau mà thôi, chứ vẫn không cần dùng đến nhau. Muốn hiểu cho đời biết Phật với Thánh vốn là một mối phân công hợp tác với nhau, Trần Thái-tông bèn nói :

« Đạo của Đức Phật ta lại phải mượn đấng Tiên Thánh-nhân để truyền ra cho đời : 我佛之教又假先聖人以傳於世 ».

Vua Trần Thái-tông nói thế là ý Ngài cho rằng đạo Phật cốt là làm lợi-ích cho đời người, nhưng Đức Phật Ngài chuyên dụng-công về phần tâm-hồn tức là việc tỉnh mê khai ngộ, còn phần thân thể tức là việc cách-trí trị-bình thì Phật mượn tay Đức Khổng, Ngã là những cái học cách-trí trị-bình của Đức Khổng, Phật đều cần dùng đến. Tức như kinh Pháp-hoa nói : « Phàm những sách vở nói về việc trị thế mà không trái với chính-pháp của Phật, đều nên giảng bàn vậy ». Ấy Phật với Khổng hai tính-chất khác nhau mà cùng cần dùng bổ-trợ cho nhau là thế.

Trần Thái-tông nói chữ « mượn » ở đây, có cái nghĩa linh-vi lắm. Vì rằng việc gì không làm được người ta mới phải « mượn » đến nhau. Mà đã « mượn » tức là sự ý muốn cần có cái việc ấy rồi. Vạn-tông Lão-nhân là thầy Gia-luật sở-tái một vị huân-tướng nhà Nguyên bên Tàu cũng nói : « Đạo Phật trị tâm, Đạo Khổng trị nước », cũng ý ấy nhưng không linh-vi thiết đáng bằng cái nghĩa « Phật Thánh phân công hợp tác của vua Trần Thái tông này. Coi đó ta biết rằng đời Lý-Trần sở dĩ tôn sùng đạo Phật mà nước thịnh dân giàu là do những nhà chính-trị biết dùng cái chủ-nghĩa Phật Thánh phân công hợp tác ấy.

b) Nghĩa thường nhiên. — Vì muốn linh thiêu cho những kẻ phạm phu, tục-tử linh hay vị-kỷ, chỉ bo-bo lo vợ vét bồi đắp vào cho cái thân mình, nên đạo Phật có lấy bốn cái tướng « sinh lão bệnh tử » là bốn cái tướng thống khổ của đời người để cảnh cáo cho những kẻ ấy. Cảnh cáo cho họ biết cái thân người ở đời này

mà còn có bốn cái trạng thái ấy thì đời người cũng chẳng phải là sung sướng gì.

Song lại phải biết bốn cái tướng « sinh lão bệnh tử » của đời người tuy là sự khổ thống thực, nhưng từ vô thủy đến nay, từ nay đến vô-chung, phàm là người ai cũng phải chịu bốn cái tướng khổ thống ấy mà không một ai tránh khỏi không một phép gì thoát khỏi. Vì có thể mồi là người. Vậy thì bốn cái tướng ấy nó cũng là cái lẽ thường nhiên mà thôi. Theo luật siêu đọa người ta chỉ có một phép là, tao lấy công đức ở đời này để cầu cho cái thân ở đời sau có công đức ấy sẽ được lên cõi cực lạc sống một cách sung-sướng mãi mãi vô cùng. Vậy thì ở đời này, người ta phải biết bốn cái tướng « sinh lão bệnh tử » là khổ thống không tránh thoát thì một phải mau mau học đạo và tu phước, lấy phả-độ cho nhau làm công đức để cầu ở cái thân sau, chứ không còn có phép gì hơn nữa.

Thế nhưng người đời thường có hai cái bệnh là lười và muốn trốn. Lười nên sợ cái công-đức phả-độ khó làm, muốn trốn bèn giựa vào phép tu-thiền để cầu mau thấy Phật. Vì thế nhiều kẻ học đạo không lo thực hành nghĩa đạo là phả-độ để tạo công đức, để làm cái cầu lên cõi thường lạc mai sau. Tự mình trút bỏ cả nhân quần giảm trừ cả mọi sự nhu-cần của đời sống, bớt ăn nhịn mặc, hãm xác đầy thân, suốt ngày ngồi Thiền mơ màng cho trốn thấy Phật, như thế là Xi-Thiền, là trái đạo, là lý thể mịch bờ đề, đã không ích cho đời mà cũng chẳng ích gì cho thân. Như thế không phải là chính phép chứng Thiền cầu Phật

(còn nữa)

**D. N. T.**

# VIỆT-NAM THIÊN-TÔNG THẾ-HỆ

(Hết theo)

(Phái Ti-ni-đa-lưu-chi)

## 4. — Trì-bát 持鉢 Thiên-sư

Trì-bát Thiên-sư trụ-tri tại chùa Lễ-phong 祖風, nơi Thạch-thất, làng Đại-câu 大虬, Trại mới. Người vốn nhà họ Vạn ở đất Li-lũ 蕤陵. Thừa còn nhỏ đã rất mộ Phật. Đến 20 tuổi theo làm đệ-tử Sùng-phạm 崇範 Thiên-sư chùa Pháp-vân, gọt đầu thụ cụ-túc giới.

Thấy Trì-bát Thiên-sư là người sửa mình rất siêng, làm việc rất cần, Sùng-phạm Thiên-sư bèn truyền pháp-ấn cho và đặt đạo-hiệu cho là Trì-bát. Sau khi Sùng-phạm Thiên-sư qui tịch rồi, Trì-bát Thiên-sư liền tự-do đi chơi khắp các chùa, tham hỏi nhiều vị kỳ-túc đoạn lặt trỏ về chùa Tô-phong này giảng học. Có người đàn-chủ là quan Trương-quốc Thái-úy Nguyễn-thường-Kiệt cũng dâng cho Trì-bát Thiên-sư được thứ gì thì Người đem ra làm việc Phật hết. Người lại trùng tu mấy ngôi chùa Pháp-vân, Thiên-cư, Thê-tâm 棲心 và Quảng an đề đền ơn pháp-chủ.

Năm Hội-tường Đại-khánh thứ 8 nhà Lý, ngày 18 tháng 2, khi Trì-bát Thiên-sư sắp thị tịch, Người có bài kệ rằng:

有死必有生	Hữu tử tất hữu sinh.
有生必有死	Hữu sinh tất hữu tử,
死爲世所悲	Tử vi thế sở bi,
生爲世所喜	Sinh vi thế sở hỉ,
悲喜兩無窮	Bi hỉ lưỡng vô cùng,
妄然成彼此	Vọng nhiên thành bỉ thử,
於諸生死不關懷	Ư chư sinh tử bất quan hoài,
奄蘇嚼蘇嚼悉哩	Úm, tô rô tô rô tất rị.

Dịch : Có tử thì có sinh,

Có sinh tại có tử.

Đời thấy tử thì thương,

Thấy sinh thì mừng rỡ.

*Thương mừng mãi vô cùng,  
Hai bên đều vọng cả.  
Ta đây không bợn lòng sinh tử,  
« Ừm, tờ-rò tờ-rò tất rì ».*

Đọc xong bài kệ thì ngồi ngay ngắn mà hóa. Thọ 69 tuổi. Học trò là các ông Tịnh-hạnh, Pháp-nhơn và Thuần-chân làm lễ hỏa-đàn sáy tháp.

### 5. Thuần chân 純真 Thiên-sư

Thuần chân Thuyền-sư trụ trì chùa Hoa-quang 華光, làng Tây-kết, Thương-nghi. Người vốn quê ở Tế-đi-ang 細江, Cửu-ông 九翁, nhà họ Đào. Tuổi thiếu-niên lâu thông kinh sử, đi đến đâu, bạn bè theo đông lắm. Sau gặp được Quang-tịnh Pháp-bảo Thiên-sư, nghe một câu đạo mà lòng lấy làm hợp bèn bỏ cả học cũ mà theo Quang-tịnh Pháp-bảo. Không đến vài năm trời mà thấu xuất cảθεν chốt của đạo, như chất điện-quang và viên đá lửa, hơi động trạm đến là phát ánh sáng ra. Đưa đường cho kẻ mất lối, khai khiếu cho kẻ đếc tai, không lúc nào thông thả. Năm Long phù nguyên-niên nhà Lý. Ất-dậu, ngày 7 tháng 2, khi Thuần-chân Thiên-sư sắp tịch, đệ tử là bản tịch vào phòng hỏi thêm ngbĩa đạo, Người đọc cho bài kệ rằng :

眞性常無性	Căn tính thường vô tính,
何曾有生滅	Hà tăng hữu sinh diệt.
身是生滅法	Thân thị sinh diệt pháp,
法性未曾滅	Pháp tính vj tăng diệt.

Dịch : *Chân tính không có tính,  
Còn có sinh diệt gì.  
Thân là pháp sinh diệt,  
Phép-tính vốn y nhiên.*

Đọc xong bài kệ thì Thuần-chân Thiên sư thác. Quan Phụ quốc Thái-bảo là Cao-công-Tối 高公最 làm chủ lễ hỏa đàn và xây tháp.  
(còn nữa).

D. N. T.

# VĂN UYEN

KINH TRƯỚC LINH ĐÀI SU-TÔ LƯƠNG-KHÊ

Nhớ từ thừa thầy con về trước,  
Chúng con còn trừng-nước thơ-ngây.  
Lá vàng vẫn đậu trên cây,  
Lá xanh với rụng đặng cay nẻo nùng  
Thương các cháu hài-đồng đại dột,  
Tờ ra tay cứu-vớt bể bình.  
Bao phen mưa nắng dèo bông,  
Sức già chẳng ngại tổn công chẳng chồn.  
Cổ gầy dựng hậu cón thành đọt,  
Đề dương vai gánh vác sau này.  
Giữ gìn cơ nghiệp Như-lai,  
Tuyên-dương giáo-hóa vẫn hồi nhân-lâm.  
Bấy lâu những mừng thăm hơn hở,  
Chắc Tô còn lưu ở thế-gian,  
Muôn duyên đều được nhẹ nhàng.  
Ngờ đâu Chư Phật đã sang đời chớ.  
Ngày hăm bảy tháng tư năm Mão,  
Bồng tin thương xích báo lạ lùng  
Đáng giờ mùi Tô Lâm-chung.  
Chúng con xết nỗi hãi hùng ngân-ngờ.  
Đương giữa lúc ngày thơ bé đại,  
Tô về con biết cậy nương đâu  
Ruột lăm chừ khúc quặn đau,  
Chứa chan giọt lệ dư-sầu lòng son.  
Lời dặn bảo nghe còn vắng vắng,  
Hình dung lìm vẫn chẳng thấy đâu.



Đôi phen tưởng nhớ du-xầu,  
 Tô sang an-dương il lâu xin về.  
 Đoái bề khổ sóng mê dầy dầy,  
 Vòng luân hồi số đày chúng sanh.  
 Bốn phương sóng gió bất bình,  
 Hàm-linh trlm dầm hồn kinh phách rời.  
 Ngâm ngùi nổi thiếu người cứu vớt,  
 Ngóng trông chư Bồ-tát hiện-thân.  
 Hộ cho thoát-khỏi trãm-luân,  
 Đều cùng chiếu được pháp-thân đời đời  
 Trước linh-tọa mấy lời dãi tỏ,  
 Mong bóng từ thấu rõ lòng son.  
 Bề dù cạn, núi dù mòn,  
 Nếp nhà nguyện giữ vẹn tròn sau xưa.

Pháp-tôn Trí Hải

### MÊ HAY TÌNH

Cuộc đời như giấc chiêm bao.  
 Mê mê tỉnh tỉnh ai nào đã hay.  
 Kia thể sự đấng cay cay đắng.  
 Nợ nhân tâm đen trắng trắng đen.  
 Trong vòng danh lợi đua chen,  
 Tham, sân, si, ái đã quen thói thường.  
 Những mơ tưởng mọi đường dục vọng.  
 Tình hay là mê mộng ai ơi.  
 Người ta sống ở trên đời,  
 Như trong giấc mộng ai người tỉnh mê.  
 Si, kia chỉ lo bề danh vọng,

Cầu cạnh cho chức trọng quyền cao.  
Nông, mong thóc lúa dồi dào,  
Ruộng liền ao cả biết bao cho vừa.  
Công, thời kỹ nghệ chưa tinh xảo,  
Đã loan làm điều giảo quanh co.

Thương, từ bán nhỏ buôn to,  
Tham lam mối lợi bo bo đồng liền.  
Suốt từ Dân từ trên chi dưới,  
Chỉ mưu cầu tư lợi ích riêng.

Còn đâu lòng thảo dạ hiền,  
Gây bao ác quả tội khiến vào mình.  
Chăm năm kiếp phù sinh mấy chốc,  
Đem tấm thân lãn lóc bụi trần.

Làm cho điên đảo linh thần,  
Lấy gì dưỡng tính tu tâm an nhàn.  
Thế mấy biết nhân-gian là khổ,  
Sao chẳng tìm Tịnh-độ cho vui.

Loanh quanh trên quăng đường đời,  
Ai hay cực lạc là nơi cũng gần.  
Bởi vì ta mê làm nên nỗi,  
Đề Dục-tâm giắt lối đưa đường.

Nên sa muôn ức dặm trường,  
Bao giờ lĩnh giấc mơ màng mới hay.  
Cực-lạc vốn ở tâm này,

**Công-Chân**

## Đạo Phật ở đất Mường

SỰ TÍCH CHÙA KIM-SƠN XÃ MÃN-DỨC. (HÓA-BÌNH)

Đạo Phật ở đất Mường. — Nguyên đạo Phật-truyền bá đến đất Mường bởi 3 đức thánh tăng, là Giác-hải, thuyên-sư, Nguyễn-minh-Không, và Từ-đạo-Hạnh đồng thời đi truyền đạo cho các Từ-trưởng, mỗi làng đều lập một ngôi chùa thờ Phật, (đang vào triều nhà Lý), cùng dạy các thầy « mo » ở Mường.

Người Mường ngày xưa nguyên là dòng giống Giao chỉ nước Nam, ở rải rác miền bãi sông hồ-đề (sông Nhị-hà), và hồ bến-tràng (hồ tây Hanoi), vì làm ăn không được no đủ bởi thủy triều khi lên khi xuống thất thường, cho nên phải xô nhau lên miền rừng núi mà mở mang ruộng đất; khi bấy giờ có các nhà tư-bản là những Quan-lang con cháu vua Hùng-vương nước Văn-lang, di dân lên mạn ngược mở mang cây cấy, thành dân Mường ngày nay.

Lúc bấy giờ làm ăn đều no đủ, mà dân số thì mỗi ngày sinh sản ra mỗi nhiều, cho nên sinh ra nhiều sự cạnh-tranh: như giết hại, há hiếp lẫn nhau, tuy các từ-trưởng (Quan-lang), bấy giờ đã theo thần-giáo thờ đức sơn-thần Tản-viên, cũng tạm yên đôi chút, vì thần-giáo cốt lấy thần quyền ràng buộc lòng người, chứ chưa có đạo từ bi bác-ái là đạo Phật để đốc một lòng làm lành mà tin nhau, đến khi 3 vị thánh tăng đã nói ở trên, đi truyền đạo Phật, thì bấy giờ người Mường mỗi làng mới có một ngôi chùa thờ Phật, lúc ấy sự học còn kém, việc ghi-chép sau này thành ra sai xuyến mập mờ, kể nói thế này, người nói thế khác.

Cứ nhờ truyền khẩu lại rằng: lúc bấy giờ đang vào Triều nhà Trần, cứ cách độ mười mười lăm

năm lại có một lần bị giặc Chiêm-thành đem quân quấy nhiễu, qua Ninh-bình Phủ-nho-quan bằng lối phá hại dân Mường cho đến miền Sơn-tây Hưng-hóa, dân Mường bị lao khổ luôn về việc trình-chiến (bây giờ đất Mường hiện còn hăm hồ và thành lũy đắp bằng đất ở các chỗ hiểm yếu đồi núi, là di-tích chống cự giặc Chiêm thành), bởi thế nên lòng mộ đạo của người thường khi quên nhãng.

Đến khi vua Lê Thái-tổ bình định nước Nam, thì việc giặc giã đã tam yên ổn, nhưng triều đình bấy giờ có ý không hoan-ngheh đạo Phật cho lắm, mỗi làng hầu có một ngôi chùa mà dân tự-hồ quên đi, đều coi như Phật riêng của nhà Lang, chứ dân thì không hay tin phụng, (chỉ thích cúng ma và sợ ma hơn cả), bởi thế nên lòng tham dục của chúng lại càng sôi nổi lên như là việc tranh nhau ruộng đất, cướp tranh đàn bà con gái, cùng là xâm lấn vùng cá khóm-mãng, chém giết lẫn nhau « trái-ém » lẫn nhau, đều bởi quên những đạo từ bi mà sinh ra cả.

Nhân lúc bấy giờ có đức Phật-bà quan-thế-âm bồ-tát ở chùa Hương-tích, phụng-lệnh đức Phật-tổ Như-lai, đi cứu khổ cứu nạn cho người đời, ngài thường đi trá hình, có lúc làm mục già ăn mày; ông lão bị tàng tạt, đủ trăm thứ hình phạt, không ai biết đâu mà lường, xin hãy kể vài câu truyện sau đây :

Một hôm ngài giả hình làm một mục đi hành khất phải qua một cái suối, mà suối thì nước lũ to. Ngài có cây nhờ một người cấy ruộng ở đấy, dắt hộ qua suối, để được vào làng ăn xin. Người cấy ruộng ấy không những không dắt hộ qua suối làm phúc, lại còn nhểch mắng bà lão thậm tệ, đôi bên tiếng đi tiếng lại cãi nhau vang động cả một cánh đồng; có chín anh em một nhà kia cũng đương cấy ruộng gần đấy, nghe tiếng biết là bác đi cấy gây sự cãi nhau với mục ăn mày, đều dừng cấy mà lại cứu dắt. Bà lão

qua suối sang bờ bên kia ; rồi bà chúc lại mấy câu : « Phạm ai làm điều lành đã giàu thì lại giàu thêm ; ai làm điều ác đã nghèo thì lại nghèo kiệt ». (ở đất Mường bảy giờ câu ấy đối với người đời còn đúng), rồi tự nhiên hóa cơn gió lốc mà bà lão biến mất.

Một bữa nữa, ngài lại trá bình làm ông lão què chân đi khắp khiêng đèn ăn xin một nhà « lang » giàu có ở một làng kia, khi vào cửa bị còn cái nhà Lang xuyết chó đuổi cắn chảy máu ở chân ; tình cờ một con ở nhà « lang » động lòng thương xẻ phần cơm của mình ngâm dầu cho lão ăn và chỉ lối cho lão đi ăn xin chỗ khác, kể chỗ này kiêu quý, kể hẳn tiện không được vào. Ông lão tỏ lời cảm ơn và khuyên bảo cho con ở ấy biết rằng : Phạm đàn bà con gái phải có sắc đẹp thì mai hậu mới có chồng sang. Con ở ấy đáp rằng : Nhan sắc đẹp ai chẳng muốn, nhưng xấu tốt tự lúc bác mẹ sinh ra biết làm sao được. Ông lão cười mà bảo rằng : Lão có phép làm người nghèo hóa giàu, người xấu hóa đẹp, người dần dộn hóa thông minh ; nếu có ứng như thế thì cứ lợi qua cái đầm này, mà uống lấy ba ngụm nước ; (Ông lão chỏ cái đầm ở trước cửa nhà Lang) thì thấy kiến hiệu ngay. Người con gái liền theo cách thức của lão chỉ bảo, cởi bỏ sống áo, cuộn tròn lều đầu rồi nhẩy xuống nước lội qua sang bờ bên kia, khi đã uống ba ngụm nước rồi mặc xong sống áo ; nghe trong mình thanh thoi ; thỉnh thoảng một luồng gió mát thoảng có mùi hương thơm bay qua, khác trông đã không thấy ông lão đâu nữa, biết truyện kỳ dị, khi về thuật lại cho chúng bạn nghe, thì quả nhiên con ở này người đẹp như tiên, thông minh ngoan ngoãn. Tiếng đồn đến tai các nàng các cậu là con cái nhà Lang, kíp cho gọi con ở ấy lên xem mặt thì điều thấy nó nhan sắc kiều-diễm tuyệt trần, hỏi nó thuật lại hết đầu đuôi cho nghe, thì các nàng các cậu nghĩ hối và lại động lòng tham muốn sự đẹp sự sang liền bảo nó đi tìm ông lão trở lại mà làm phép

chở mình. Chúng sắm cỗ bàn sôi thịt vàng bạc để chực đem dâng ông Lão, thì tình cờ con ở ấy đã tìm thấy ông lão đứng sẵn bên đầm ròi. Chúng đều xô nhau lại cầu khẩn về sự đẹp sự giàu duy có một ông cụ Quan-Lang tuổi đã gần 70, nói rằng: Các người giai trẻ muốn đẹp thì đi còn già nay đã gần kề miệng lỗ dẫu đẹp mà làm chi. Khi cả nhà ra tới đầm thì ông Lão vẫn đứng ở đấy mà bảo rằng: Già này là người bần tiện đi ăn xin, trước các ngài bạc đãi mà nay quý trọng làm vậy là nghĩa lý gì? Mọi người đều trở người con ở kia được tốt đẹp bởi lão làm phép cho, thì nay cũng xin lão làm ơn cho được tốt đẹp giàu sang hơn người con gái ấy. Ông lão liền đáp rằng: việc đó là tùy ở phúc đức, nếu tâm địa vô lương bất ngãi thì không những không cầu được đẹp, được khôn mà lại hóa ra xấu xí ngu dộn cũng nên, ấy đấy tùy các ngài, chứ lão đây không có ích gì đâu. Mọi người đều không để ý đến nhờ nói ông Lão, bởi vì lòng tham muốn ghen sự sang đẹp với người con gái kia, liền đều cởi bỏ sống áo nhầy ấm xuống đầm lội sang tới bờ bên kia, thì người nào người ấy mặt mũi nhăn nhó, mình mẩy tựa hồ như đều mọc lông, không nghĩ gì đến mặc sống áo nữa, cứ trần truồng nhầy nhót về nhà, nói năng không ra tiếng người, liền đập phá cửa nhà hồi lâu như người điên cuồng, rồi đều hóa thành một đàn khỉ đực khỉ cái nhầy nhót đem nhau lên rừng núi. Duy còn ông « lang » già nọ vì không đi lội đầm được thoát sau tục duyên với người con gái ở kia, lại sinh con để cái nối dõi tông đường làm ăn giàu có đến nay.

Đại để câu truyện đức Phật đi thử thiên hạ là như thế, còn nhiều câu kỳ dị khác nữa, đại ý cũng là khuyến thiện răn ác cả mà thôi.

### CHÙA KIM-SƠN XÃ MÃN-ĐỨC

Chùa Kim-sơn ở xã Mãn-đức, (trước đời Minh-mạng nguyên là xã Phù-liễn, sau phân làm 2 xã, là Mãn-

đức và Quy-hậu, thuộc tổng Lạc-nghiệp, huyện Lạc-yến, phủ Nho-quan, tỉnh Ninh-bình, hồi năm 1886 Chính-phủ Đại-pháp Bảo-hộ, cái là châu Lạc-sơn thuộc tỉnh Hòa-bình) xã Mẫn-đức và xã Quy-hậu thờ phụng chung một ngôi chùa thường gọi là chùa Sển, hay chùa Lim, viết theo chữ Hán là: Kim-sơn tự 金山寺, trong thờ các vị:

1. Phật. Tồ Như-lai (chưa có tượng).
2. Phật bà Quan-âm (tượng bằng gỗ sơn).
3. Bên tả ba vị Thánh-tăng (tượng bằng gỗ sơn).
4. Bên hữu ba vị Đức ông (tượng đã cổ bằng đất và sơn).

Ba vị Thánh-tăng, là Giác-hải thuyền-sur, Nguyễn-minh-Không và Từ-đạo Hạnh, đó theo từ khi trước ngài đi vân du đất Mường truyền đạo Phật lập chùa.

Ba vị Đức ông là đức thánh tần-viên « tức vua thờ ». Ông Quách-công-Hải tay cầm nghiên bát, tức Nghè-Lang; ông Quách-công-Hảo tức là Hiền-Sển.

Nghè-Sang, Hiền-Sển, nguyên là anh em ruột, sau chia nhau ấu Lang mỗi người mỗi Mường, Quách-công-Hảo thì ấu Lang Mường Chiềng-Sển (Mẫn-đức) Quách-công-Hải thì ấu Lang Mường Sang (Quy-hậu) « Hiền » tức là một vị tù - trưởng cũ, đã nhường quyền cho người khác mà mình chỉ có danh hiệu mà không có quyền, vì lúc đó ông Hảo nhường hết quyền lang cho ông Hải, còn mình tự nhưn cái danh hiệu như kỹ-cựu vậy, tiếng mường gọi là « Hiền » ở Mường-Sển, tức là Hiền-sển, còn như nghè-Sang « Nghè » tức là tiên-sĩ vì ông Hải có tài và đẹp trai, sau khi về châu vua ở Thành-thăng-Long (kinh đô vua Lê ở Hanoi) được vua ban sắc chỉ cho là tiên-sĩ và gả công-chúa cho, được làm Phó mã quân-công, ấu Lang ở Mường-sang, tức là ông « nghè » Mường-sang, cho

nên gọi là nghè-Sang, vì là Phó-mã quận-công nhà vua, tuy ở Mường-Sang nhưng được quyền thống-trị toàn hạt dân Mường. Sau nghè-sang Hiễn-sến đều không có con trai, phải lập « tự » lấy dòng nhà Châu-sến (1) lên làm tù trưởng (tức là quan-lang 2 xã Mãn-đức và Quy-hậu) lên gọi là Quách-công-Lâm để thừa tự cho ông Nghè-sang, Hiễn-sến, nhân lòng dân lúc bấy giờ quen nết đạo Phật, ông Lâm có trí thông-minh, và tài chính-trị, nên tuân theo đạo Phật mà lập chùa thờ Phật, để ràng buộc lòng dân cho bền cơ nghiệp nhà « Lang », (ông Quách-công-Lâm là tổ-tiên mười đời, đối với Quách-Điền).

Cứ nhời tự cổ truyền rằng . Ông Lâm khi lên làm Lang dữa hôm rằm tháng 3 Annam, năm ấy, ở ngoài đồng dữa chỗ gốc cây Lim cạnh chân núi đá làng Sến, có một bà lão hủi đi ăn xin, đến nhà ai cũng không giùm cho ở vì sợ bệnh tật hẳn thối, hôm ấy ban ngày bà lão ăn xin những trẻ chẵn trâu, bỏ tự học nghỉ ở chỗ gốc cây Lim, hóng mát, tối đến thì vào hang đá ở cách bờ suối bên kia là núi đá làng Mãn-đức mà nằm ngủ ; Ông Lâm nghĩ bụng rằng : có lẽ là Phật-bà đi thử cũng rên ; liền cho tìm thì không thấy bà lão đâu nữa, rồi đổi đước vào soi trong hang đá thấy thạch nữ lông lình và có chỗ tựa như bàn thờ. sau bàn thờ đi vào trong hang độ 2 trượng (20 thước Annam) thì có một ngọn tháp bằng đá đứng sừng trong hang, cao hơn đầu người một vói, trông thật tự nhiên lắm. ông Lâm nói : đây là Phật hóa thân đó, liền sức cho dân làm chùa thờ Phật, làm nhà lảng danh cột gỗ ở ngay chỗ bà lão ngồi ăn, bên gốc cây Lim to (nay cây Lim không còn chỉ có 3 cây đa to) mà gọi là chùa Lim. Bên cạnh chùa có núi đá bình tròn ở về phương tây, hoặc theo

(1) Châu-sến là người bình-dân, được nhà lang thừa nhận lấy làm con, để thừa-tự nghiệp nhà-lang.



hình núi mà đặt tên chùa là Kim-sơn tự, cứ mỗi năm đến rằm tháng 3 thì hội họp rước Phật ở chỗ hang đá « bả liao ngũ » về chỗ nhà chùa mà lễ bái, ăn uống to tát lắm (nổi năm 1931 Quách-Điền nghĩ rằng : Vì kinh tế khủng hoảng nên giảm sự ăn uống để khỏi phiền cho dân, mà lui ngày hội về mùng 5 tháng riêng Annam để liễn với tế Nguyễn-dân cho tột, bỏ sự cúng vái sôi nổi, mà dâng hương hoa lên lễ Phật và thần.

### TẠC TƯỢNG, ĐỨC CHUÔNG, LÀM CHÙA NGÔI

Lúc bấy giờ ông Lâm đón thợ lên làm tượng, dùng gỗ làm cốt và đất thó đắp thành tượng, và sơn son thếp vàng, Tượng Đức thánh Tản-viên thì để ngồi dữa; chú là Nghê-Sang ngồi một bên, tay cầm nghiên bút; cha là Hiền-Sến ngồi một bên; tượng tạc không có ý gì về Phật cả, trông như ba ông qua tòa ngồi, cần đai bố tử theo hình đường quan; Khi tạc tượng xong, ông Lâm rất lấy làm cảm động, vì cha và chú là người thân của mình, Đức thánh Tản-viên là vua thờ cũng như là tổ tiên nhà mình, nên đều để thờ ở nhà, ngày hội thì rước ra chùa cúng vái, xong hội lại đem về nhà.

Đến đời ông Quách-công-Siêu (Tước-liền-trung-bá, thụ Quận-công-Hàm). Đang vào đời vua Lê Chúa-Trịnh phụng chỉ theo quân đi đánh giặc được thưởng công về bãi mạng vua chúa ở kinh đô Hanoi, xem thấy các chùa chiền ngay nga tráng lệ, khi về mới bắt trước làm chùa thêm lên, rước 3 vị đức-ông ở nhà ra chùa, thờ tại gian bên hữu, gian chính dữa thờ Phật bà Quan-âm (sau Phật Quan-âm bộ cao thì thờ Phật tổ). Còn gian bên tả kê bộ thờ 3 vị thánh-lăng, lúc bấy giờ mới trông ra vẻ chùa chiền hẳn hoi.

Đến năm Gia-long tại ông Vạn-thiện-Hậu (là cháu bốn đời ông Lâm và là ông tổ bảy đời Quách-Điền), mua một quả chuông đồng dâng vào chùa Kim-Sơn để cầu tự, sau ông sinh được 7 người con giai chia làm các Thổ lang, Thổ-Đạo khắp trong thôn, xóm xã Mãn-đức

và xã Quy-Hậu mà ăn « lang ».

Đến triều Tự-dức ông Quách-công-Bái sùng đạo Phật, hội họp cả trong họ và các thiện tín nhân dân trong 2 xã xưa sang chùa lại theo lối trung-châu, tăng cao ban Phật-Tổ thêm lên, ở đằng sau bệ Phật Bà Quan-âm. Đến năm Thành-Thái ông Quách-mỹ, tô tượng Phật Bà Quan-âm bằng gỗ sơn. Năm Duy-tân (1914) ông Ân-sát Quách-cao (thần phụ Quách-ấm Thổ-lang Mường-sang xã Quy-hậu) cùng ông Quách-triều Nguyên phó Lang quan (Án-sát-Sứ) xã Mãn-đức, hội họp tất cả các lang, dân xã Quy-hậu và Mãn-đức, quyên tiền thuê thợ làm chùa ngói. Năm Bảo-đại Tân-mùi (1931). Ông Quách-Bờ Hội-viên châu Lạc-sơn hội họp tất cả các lang, dân xã Quy-hậu và Mãn-đức, quyên tiền nhờ ông Trần-ngọc Giá về Sơn-tây chùa Phúc-xuyên, thuê thợ tạc 3 Pho-tượng 3 đức táng tăng bằng gỗ sơn, đem về dâng thờ tại gian bên tả, đối với 3 vị đức-ông.

**Đại Mãng Thuyền-sư**

*Giám tự Kim-sơn Quách-Điều,*

### *Đạo Phật có cơ hưng thịnh*

Mới rồi ở Paris đã họp kỳ thứ hai của hội Nghiên-cứu Phật-học Trong kỳ hội-đồng có mặt hầu hết các đại biểu các cường quốc Âu, Mỹ, Á. Bằng vào đây, ta có rất nhiều hy vọng rằng Phật-giáo sắp tới kỳ hưng thịnh, mà sự hưng thịnh lần này sẽ có lối cách quốc-tế hơn từ xưa đến nay.

Mong ước của ta không phải không có cơ. Vì đạo Phật hiện nay rất thích hợp với luồng tư tưởng chung về nhân sinh và xã-hội.

Ngồi ngẫm đến cái tai ách chiến tranh, ai mà không sợ : tàn tật chết chóc, thân thích chia lìa, ruộng vườn tan

nát. Người ta đã tính, với món tiền dùng trong trận đại chiến vừa qua, nhân loại có thể làm cho nhau mỗi người một cái nhà sinh sản có sân vườn hẳn hoi. Không nói đến những người đã chinh mắt được mục kích cảnh rùng rợn núi sương thì lòng trắc ẩn còn sôi nổi đến bực nào.

Vậy mà nay còn có người chỉ vì chút tư lợi, vì tấm lòng đố kỵ, mà súc siểm sui dục, gây thù gây oán, tạo nên cái thân nghiệp nặng nhất là cái vạ chiến tranh. Khổ hơn hết là cái nông nổi lợi tai chỉ lợi cho một số ít người, mà hại thì hại cho hầu khắp dân chúng: tiền ai? tiền mồ hôi nước mắt của dân chúng, cái tiền đáng lẽ chỉ dùng để mưu hạnh phúc chung cho họ, cứu tế xã hội, mở mang sự nghiệp nông công thương Sát ai? sát những bọn cùng dẫu đã vì những luật phép bất công mà phải đem đổi lấy cái sở thích của một vài tay thế lực.

Thử hỏi những người còn một chút lương tâm, còn một tia bác ái, ai nỡ ngồi trông mà không can ngăn họ được. Mà cách can ngăn mau nhiệm nhất là truyền bá đạo Phật, là một đạo chuông từ bi, cấm sát sinh.

Đứng về mặt chính trị, ta có thể nói đức Phật-tổ là một chiến sĩ xã hội trước nhất và sáng suốt nhất nhiệt thành nhất. Sinh thời đức Thích ca, xã-hội Ấn độ phân làm bốn giai-cấp rất cách biệt. Ngài rất lấy làm bất bình về cái chế-độ ấy, nên bỏ đạo Bà-la-Môn, sáu năm vào Tuyết-sơn tu khổ hạnh, cố tìm lấy đường giác ngộ, mà lập nên đạo Phật bây giờ, theo tôn chỉ bình-đẳng và bác ái.

Chế độ bình dân hiện thời hay nói cho đúng phong trào xã-hội chủ-trương điều gì? Điều quan hệ nhất là: tài nguyên trên quả đất là của chung của mọi người. Mọi người sinh ra đều bình-đẳng (trần-truồng, yếu ớt), chỉ có cái giáo dục sau này làm khác nhau,

thì ai cũng có quyền được chia lợi những tài nguyên ấy tùy theo sức làm việc của mình. Như vậy thì những người lao-động chính là những người mà các chính phủ nên săn sóc, trông nom và giúp đỡ. Còn những người, vì lẽ gì mặc lòng, không làm chỉ ngồi sống bằng mồ-hôi nước mắt của kẻ khác, hoặc làm ít mà ăn nhiều, thì không đáng cho ta đề ý đến.

Đức Phật cũng chỉ thiết tha một điều như thế. Chúng sinh đều có Phật-tính ; ai khéo tu là có thể thành Phật, cho nên điều cốt yếu là tinh thần phải tinh tiến dũng mãnh. Đến ngay những vị xuất gia, Phật còn gây rằng : không làm việc thì không đáng hưởng của bố-thí của chúng sinh.

Cho nên phong trào bình dân càng bùng bốt bao nhiêu thì người ta càng tán thành đạo Phật bấy nhiêu. Chính quan Thống-sứ Châtel, khi nhận mình làm một tên liạ xã-hội, cũng tuyên bố rằng đứng trước Tam-bảo ngài chỉ trug người ta coi ngài là một tín-đồ như các tín-đồ khác. Như thế thì còn đâu là giai cấp. Ai là chiến sĩ xã-hội chẳng nên lợi dụng Phật-giáo mà tuyên truyền chủ nghĩa của mình.

Xét ba điều ấy, Phật giáo rất có hy vọng bành trướng. Hội Phật chúng ta chẳng nên nhân cơ hội mà xuong mình Phật pháp sao. Bao giờ trên thế giới người ta biết đối đãi bình đẳng với nhau, góp sức nhau khai khẩn những tài nguyên của vũ trụ, rồi ăn dè dề dành, không nghĩ đến chuyện tranh cướp nhau, thì lúc ấy nhân loại thực là cực lạc mà đại nguyện của chư Phật mới thực thành tựu vậy.

NGUYỄN-VĂN-CANH — MỸ-HÀO

# BÀI THUYẾT PHÁP

của ông Thủ-quỹ Lê-Toại nói về Tăng bảo

*Kính trình liệt quý giáo-hữu,*

Trong đạo Phật ta có ba ngôi báu là : Phật bảo, Pháp bảo và Tăng bảo.

Tôi thiết tưởng công việc của hội Phật-giáo ta làm đây có lẽ phải chú trọng vào ngôi Tăng-bảo.

Trước đây ông Tham Giáp đã nói về Phật bảo, ông Bồ Xương đã nói về Pháp bảo, nay tôi xin nói về Tăng bảo, vì có Phật, có Pháp thì phải có Tăng, vì nếu không có tăng thì lấy ai mà tuyên dương Phật pháp.

Phật pháp khó hiểu lắm, khó theo lắm và khó truyền lắm, cho nên làm Tăng cũng là khó lắm, vậy tăng là những vị tu hành theo Phật pháp để tuyên dương Phật pháp.

Đức Phật Thích-ca ta ngày xưa khi ngài còn là Thái-tử ngài cảm thấy cái khổ sinh lão bệnh tử mà bỏ cha, bỏ mẹ, bỏ vợ, bỏ con, bỏ cung đền lâu các, bỏ đất nước giang sơn để đi học đạo giải thoát, ngài đến vấn đạo ông tiên A-la-đát-ca la-ma, ngài thấy đạo của ông tiên này chỉ chứng đến các cõi Thiên-thiên mà thôi chưa giải thoát được, nhưng vì ngài thương chúng sinh còn phải chịu 4 cái khổ là sinh, lão, bệnh, tử thì ngài còn phải tìm cho ra cái phép chừ bỏ nó đi, vậy ngài bỏ ông tiên A-la-đát mà đến ước Ma da-da ngồi trên sườn núi gần thành Râgagriha mà nghe đạo của ông tiên Roudraka, nhưng cái đạo của ông Tiên Roudraka cũng như ông A-la-đát kia mà thôi, nên ngài mới đi ra bờ sông Nairanjanâ thì 5 người đồ-đệ của ông Roudraka là bọn ông Kiên-trần-Như cùng theo ngài. Giòng già trong sáu năm tu hành khổ hạnh mỗi ngày chỉ ăn một quả cây một hạt thóc bay một hạt vừng, thân hình ngài suy yếu gầy còm mà vẫn chưa tìm thấy đạo, sau ngài nghĩ rằng phải

ăn uống cho đủ no để sống mà tìm đến đạo, vậy ngài lại ăn uống như thường.

Bọn ông Kiều-trần-Như thấy vậy đều bỏ ngài, sau ngài vào ngồi ở dưới gốc cây bồ-đề nhập thiền mà đắc đạo. Thế là ở cõi sa-bà này đã có hai ngôi báu là Phật bảo và pháp bảo. Đức Phật từ ngày đắc đạo cứ ngồi ở dưới gốc cây bồ-đề mãi đến tuần thứ bảy mới có 2 người lái buôn tên là Đề-lê-phủ-bà và Bạc-lê-dà chở hàng đi qua đó đến đứng ngài các thứ bánh ngọt và mật ong, ngài nhận lấy mà chúc cho hai người được thịnh vượng và được hoan lạc. Hai người này là người đầu tiên qui Phật qui pháp đó.

Đức Phật ngài biết cái đạo của ngài khó hiểu chỉ những người hiền-nhân quân-tử họa may mới hiểu được. Nên ngài đi tìm hai ông tiên xưa là ông A-la-dạt và Roudraka, nhưng hai ông này đều tịch rồi. Ngài mới nghĩ đến 5 người đồ-đệ của ông Roudraka là bọn ông Kiều-trần-Như đã cùng ngài tu khổ hạnh ngày trước, ngài đến vườn Lộc-dĩ thuyết-pháp cho năm ông ấy nghe, ngài nói về tứ-diệu-đế, bát-chính-đạo và thập-bì nhân duyên. Từ đấy ở thế-giạ này mới có 6 vị Thánh-phân, mà là khởi điểm hội Tăng-già mà cũng từ đấy mới có đủ ba ngôi tam-hảo vậy. Rồi ngài lại đi độ cho chàng Gia-xà, Vimala, Soubâhou, Pournajet, Gavâmpati. Khi ngài đến Ưu-lâu-tần-loa ngài độ cho ba anh em ông Ca-diếp và đồ-đệ của ba ông ấy, ngài nói ở thế-giạ này như ở cái nhà đang cháy vậy; rồi ngài đến thành Râjagriha độ cho vua Tần-bà-sa-la và ông Xá-lợi-Phất, ông Mục-kiền-Liên. Khi ngài thấy hai ông này đến qui ngài, ngài nói rằng: hai người này là hàng đồ-đệ thứ nhất trong những đồ-đệ của ngài vậy. Rồi ngài lại về thành Ca-ti-la-vệ để độ cho vua cha, bà gi, em giai ngài là

Nan-đà, con gái ngài là La-hầu-la. Từ nước Cattila-vệ ngài đến nước Rājagṛha. Tại thành Xá-vệ có một người lái buôn giàu có mà nhân đức tên là Cấp cô-độc bỏ vàng ra mua một cái vườn của Thái tử Kỳ-đà, dựng tinh-xá tại thành Xá-vệ mà rước đức Phật và cả hội tăng-già về trụ trì ở đó, vì hội tăng-già mỗi ngày một đông, nên ông Cấp cô-độc sai đi quyên giáo cả các người trong thành để cúng Phật và cúng hội tăng-già.

Từ thành Xá-vệ ngài lại trở lại nước Rājagṛha đang đi nửa đường, tới đến ngài nghỉ tại một làng kia thì ngài thấy 7 người đến qui ngài, ngài nhận ra 6 người là người trong họ Thích-ca tên là Anou-rouddha, Bhadrīka, Bhṛigan, Kimbila, Deodatta và Ananda và người thứ 7 là một người thợ cao tên là Oupāti. Khi vua Tịnh-phan băng hà rồi thì bà gì ngài là Mahāprajāpati đến xin đi theo ngài tu đạo, ngài không bằng lòng, sau ông Ananda nói hộ mãi, ngài mới cho vào hội tăng-già, từ đây trong hội tăng-già mới có ni chúng mà bà gì ngài cai-quản, ngài bảo ông Ananda rằng : « Nếu bà muốn vào hội tăng-già thì bà phải theo giới-luật rút nghiêm », lệ rằng : « Một vị đi đi tu đã được 100 năm hễ có gặp một vị tăng mới đi tu có một ngày cũng phải đứng dậy và tỏ vẻ rút tôn kính ». Vị ni phải xam hối và thụ giới với vị tăng trước mặt công chúng, vị ni nếu phạm lỗi nặng thì phải chịu phạt 15 ngày trước hội tăng-già cả tăng chúng và ni chúng, vị ni phải tỏ sự kiên nhẫn, tỏ đức hạnh tốt trong 2 năm rồi mới được vào hội tăng-già. Các vị ni không được khuyến cáo, tưởng lệ các vị tăng, nhưng các vị tăng phải khuyến cáo, tưởng lệ các vị ni. Ấy là những qui tắc tu đạo, của chư ni phải thêm nhiều hơn những qui giới tu đạo của chư tăng ».

Ngài lại bảo ông Ananda rằng : « Nay Ananda !

nếu đàn bà mà không được vào hội tăng-già thì sự thanh tịnh trịnh-khiết còn giữ được lâu, thì cái tâm chán binh còn sống, còn mạnh và an tĩnh được đến nghìn năm, nếu mà để đàn bà vào hội tăng già thì sự thanh tịnh sẽ bị tổn thương mà cái tín-tâm chán binh cũng chỉ tồn tại được độ 500 năm mà thôi ».

Đến khi gần về già ngài giầy cho hội tăng-già cái luật nhân-quả, cái phép ngũ giới. Đến khi ngài nhập bát-bàn, ông Ananda ngồi hầu gần ngài, ngài bảo rằng : « Ananda ! Dễ thường người nghĩ rằng : Các người sắp mất thầy hẳn ? này các người đừng nghĩ thế. Pháp còn đó. Ananda đến khi mà ta không còn ở đây mới các người nữa thì cái pháp của ta mà ta đã giầy các người đó nó sẽ dẫn đường chỉ lối cho các người ».

Ngài lại dặn rằng : « Nay các đồ đệ ơi ! Thực vậy hễ đã có sinh thì phải có diệt, vậy các người phải tinh tiến luôn luôn mà tu hành ».

Thưa các giáo-hữu ! xem như vậy thì tăng bảo từ ông Ca-diếp ông Ananda rõ xuống đều là đệ tử Phật, học đạo ngài, ăn ở theo phép ngài rồi đi chuyên đạo ngài cho các người khác, ấy gọi là tăng-bảo. Hai vị này là hai vị tổ sư đầu tiên cai quản hội tăng-già. Vậy nên tôi xin kể qua sự tích của hai ngài như sau này :

Tổ Ca-diếp là tổ đệ nhất cai quản hội tăng-già sau khi Phật tịch rồi, ngài là học trò xứng đáng hơn nhất của Phật, ngài dữ đạo chín chắn hơn cả các tăng đồ. Từ khi nhỏ, lòng mộ đạo sự ăn ở trong sạch của ngài đã nổi tiếng, ngài buộc lòng phải vâng theo lệnh nghiêm đường mà cưới vợ nhưng trong 20 năm trời cùng ở chung với vợ một nhà mà vợ chồng không hề chêu hoa ghẹo nguyệt. Mà vợ



ngài cũng là một người thiếu phụ đứng đắn lắm, biết thờ kính cha mẹ chồng, biết yêu mến chồng mà cũng không ưa sự âu yếm. Đến khi cha mẹ mãn kiếp rồi thì vợ chồng đều dắt nhau đi tu đạo. Đức Ca-diếp nhờ đã luyện tâm kỹ lưỡng rồi nên thụ giáo có chín hôm thì đủ đức hạnh làm một nhà đại sư đó. (còn nữa)

Lê-Toại

### *Việc làm chùa Hội-quán Trung-ương*

Theo biên bản hội đồng bên tăng giới ngày 19 Octobre và biên-bản hội-đồng Quán-trị ngày 24 Octobre 1937 thì các hội viên trong hội đều cúng góp mỗi vị một đồng 1\$00 để lấy tiền khởi công làm chùa Hội-quán.

Vậy xin đăng phương danh các vị hội viên chi hội Mỹ-hào (Hưng-yên) đã cúng góp lên báo chương để các thiện-tín thập-phương chứng giám.

Các vị : Nguyễn-thị-Độ, Đỗ-thị-Hợp, Nguyễn-thị-Phung, Nguyễn-đức-Giảng, Nguyễn-thị-Nhu, Nguyễn-thị-Diễm, Nguyễn-thị-Diễm, Lê-thị-Bạn, Nguyễn-thị-Miêu, Hồ-thị-Phấn, Nguyễn-thị-Thụ, Nguyễn-thị-Khuông, Lưu-thị-Năng, Nguyễn-thị-Tý, Vũ-thị-Thước, Phạm-thị-Bây, Vũ-duy-Chù, Nguyễn-kim-Lợi, Phạm-thị-Thân, Nguyễn-thị-Bắc, Nguyễn-huy-Phúc, Đỗ-đình-Nề, Mai-thị-Huyền, Nguyễn-thị-Bách, Nguyễn-thị-Quy 0\$50, Phạm-thị-Nhiều, Vũ-buy-Chân, Nguyễn-thị-Thanh, Nguyễn-thị-Nhàn, Nguyễn-bá-Lân, Nguyễn-thị-Dần, Nguyễn-thị-Mỹ, Phạm-tất-Hựu, Nguyễn-bá-Huống, Phạm-huy-Toàn, Nguyễn-thị-Ninh, Nguyễn-Úy, Nguyễn-thị-Tòng, Phạm-thị-Bính, Nguyễn-thị-Ưng, Nguyễn-đức-Khoái, Vũ-thị-Hiên, Lê-thị-Mạo, Vũ-thị-Hải, Nguyễn-ngọc-Phản, Nguyễn-thị-Lơ, Nguyễn-thị-Tàu, Nguyễn-thị-Tuy, Vũ-thị-Hương, Nguyễn-kim-Kê.

QUÍ TÍNH PHƯƠNG DANH CÁC VI  
CÔNG ĐỨC ĐÃ CÙNG VÀO VIỆC LÀM CHÙA  
TRUNG - ƯƠNG

---

Mme Nguyễn-thị-Chất, 5 Hàng bạc Hanoi	3\$00
M. Cát-văn-Chứ, 72 Tiên-sinh Hanoi	10 00
M. Nguyễn-văn-Thiện chủ-hiệu Nam-Mỹ Bắc-ninh	1.00
Mme Lê-thị Hoan, Tiên-yên	1.00
M Nguyễn-danh-Chấn Tiên-yên	1.00
Mme Nguyễn-thị-Uyển, Tiên-yên	2.00
Mme Vũ-thị-Lợi Buôn bán Trà-cổ Moncaỵ	1.00
Mme Lê-ngọc-Vỹ tức Nguyễn-thị-Minh Tiên-yên	1.00
Mme Trần-vân-Ích Tiên-yên	2.00
M. Ho-Kong	0 50
Thu-sam-Ích	1.00
M. Loa-sin-Yên	0.50
M. Nun-chan-Phun	1.00
M. Lương-man-Tác	0.50
Mme Hàn-huy-Định Tiên-yên	1.00
Mme Quán-Minh Tiên-yên	1 00
Mme Tác Tiên-yên	1.00
M. Nguyễn-văn-Cảng Tiên-yên	1.00
Mme Nguyễn-dinh-Long Sacrie Haiphong	2.00
Bà Bá Phổ Khách Haiphong	2 00
Bà Tắc Avenue Paul Doumer Haiphong	2.00
Mme Trương Avenue Clémenceau Haiphong	2.00
Vô Danh	0.30
M. Hàn-văn-Nghĩa, 1 Khâm-thiên Hanoi	2.00
Mme Hà-thị-Thánh 184 Bờ sông Hanoi	2.00

(còn nữa)

## KHÓA HƯ GIẢNG YẾU

« Đại ý bài này là chỉ rõ cho ta hiểu rằng: cái thân ta đây nó chính là cái cối dễ kiêu, nếu cứ nhận nó là chân thật, thì không khác gì nhận giặc là con vậy. Sao thế? — Vì rằng cái thân ta đây là bởi tứ-dại ngũ-uần giả hợp mà nên, nó đã do các chất giả giới hợp thành, thì còn làm gì có thực nữa, mà ta cứ nhận nó là của ta, vì cứ nhận nó là của ta, nên mới nhắm mắt đưa chân, làm càn làm bậy, để nuôi cái thân giả giới ấy, Châm cái ngọc giắt, đánh phấn thoa son; áo gấm quần là, lên xe xuống ngựa, nhìn lại trong thân nào có cái chi là quý là sạch. Một bộ srong hom, ngoài bao máu mủ, trong toàn chất bần, dóm nhãi phân do, nghĩ càng thêm tởm, thế mà người ta cứ mãi mắt bề ngoài, không hề đoái lại, so kè muôn cách, chiêu chuộng trăm triệu, không lo đến nỗi già, ốm chết kia nó vẫn ở sau lưng mà cứ phóng túng thân tâm, miệt mài lừa sác, tranh danh chực lợi, tự chối buộc mình, những tưởng cái thân sống ngàn muôn tuổi, hưởng phú quý hoải, có hay đâu tích-ác đã giẫy, một mai chịu báo, tìm gan đau đớn, tựa nỗi oan thù, thân thể xuy tàn, y như ma đói. Đã đến lúc đó mà vẫn còn không tỉnh, lại còn giết gà giết lợn, cúng bái quỷ thần, mong những thọ khảo vô ki, binh an vạn phúc, có hay đâu con quỷ vô thường nó đến, muốn lưu một phút không song, Hồn phách tạm về cõi quỷ, sác thấy đề lại nhân gian. Trong một vài ngày đã có mùi hôi thối, qua một vài tuần, thì chương nứt thối tha. Lúc bấy giờ thì bất luận sang hèn giàu nghèo, đều là cái chết, đề ở nhà thì sinh giới nở bọ, vút ra đồng thì quạ rĩa chó tha; vùi sâu dưới đất, cùng cỏ cây cùng nát, trên cánh đồng hoang, lơ thơ nấm cỏ, lập loè lửa dóm, rền rĩ tiếng sào, rêu phủ bia mờ, ngựa trâu đầy sáo, đến bấy giờ thì dù cho vạn chương nhất

đời tài sắc nghiêng nước, cũng một lối như nhau, còn ai hơn ai nữa không? Cái thân đã vậy, còn cái nghiệp làm sao? – Mất bị cái nghiệp say đắm sắc đẹp kia nó lôi về ngục cây-guơm, tai bị cái nghiệp mê tiếng hay kia nó dẫn vào ngục núi đao. Mũi thích ngửi thơm, bấy giờ phải ngửi thuần mùi tanh hôi, lưỡi thích ăn ngon, bấy giờ phải nuốt viên sắt nóng; Thân thích êm ấm, bấy giờ phải nằm giường sắt òm cột đồng, ý hay tham sản, bấy giờ phải chịu cảnh khổ độc, trăm năm ở trên trần gian, dưới ngục mới là một ngày đêm, ôi, thống khổ sâu thẳm biết là nhường nào! Vậy nên ai là người có con mắt tỉnh đời, phải mau mau quay đầu nhìn lại, sé tan cái lưới ân ái mà vượt ra khỏi vòng sinh tử. Bất cứ là trai là gái, là trí là ngu, ai cũng có thể tu được cả. Khi chưa xuất được tới chỗ tâm Phật ý Trời, thì cần phải trì giới tụng kinh, khi đã tỏ ngộ rồi, thì không còn gì nữa, chừng đó thì ở cái sắc giả giống mà tức là cái sắc chân-thật, nương cái thân phàm mà chính là pháp thân, phá tan sáu thàng giặc sáu căn hóa ra sáu món thần thông, chơi trong tám (1) nổi khổ mà hóa ra tám nơi tự tại (2). Song nói thì dễ, làm thì khó, đã bị dọa vào trong cái sắc thân này, thoát ra được cũng là khó lắm. Ai chưa thoát

---

(1) Tám nổi khổ, 1 Sinh, 2 già, 3 ốm, 4 chết, năm ái ái biệt ly, 6 oán thù gặp gỡ, 7 cầu gì cũng không được như ý, 8 ngũ uẩn nặng nề.

(2) Tám nơi tự tại. tức là chứng lời cõi Phật, chốn nào cũng tự tại như ý vậy.

được thì phải nghe cho rõ mấy câu lời giáo này : « Cái chân tâm của người ta nguyên lai nó vẫn viên dung sáng suốt, không đầu không tỏ, không gì không hay, chỉ vì vô minh che lấp mà nó tối tăm mê muội, khiến mình gây nên nghiệp xấu đó thôi, nếu biết tỉnh lại, thì lập tức thấy lại sáng suốt ngay ».

Ta lại nên biết rằng, cái thân ta tuy là cái cõi dễ sinh ra sự khổ, mà cũng là cái cõi dễ tạo nên quả sướng, cho nên lại phải quý cái thân đề mà tu. Sao biết thân là quý, ta xem như trong thế gian này, ai cũng cho vàng là quý nhất, mà đến lúc lâm nguy, thì nó lại không quý nữa, ví như một người giàu ra làm tướng, lấy vàng làm áo giáp, đến lúc đánh chận thua, bỏ đồ binh quăng áo giáp mà chạy lấy cái thân, chứ có ai nhìn đến cái áo nữa đâu, thế thì đủ biết cái thân là quý hơn vàng vậy. Thế mà nay ta lại trọng của khinh thân, thực là ngu lắm. Phải biết, được làm nhân người, thực là khó lắm Sao bảo là khó ? Vì có ba cơ như sau này :

1. ở trong sáu đường, người là quý nhất, người đến lúc chết, hồn phách mơ màng, bị nghiệp lôi đi, đọa vào địa ngục súc sinh, trải hàng muôn kiếp, chưa để lại được làm người ; 2. Dù được làm người lại sinh vào nơi mọi rợ, cư sử hỗn độn, không có luân thường chi cả ; 3. Dù được sinh nơi văn hóa mà sáu căn bất cụ, cảm diếc đui mù, thân thể thối tha, không ai muốn gần, thì dù ở ngay chốn kinh kì, cũng không khác gì chốn cùng hoang vậy. Nay được làm người, lại sinh ở nơi văn hóa, sáu căn hoàn toàn, thực là đáng quý lắm rồi, thế mà người đời, phần nhiều cứ chới buộc trong vòng danh lợi, làm hại đến tinh thần, nhọc cả bình thể ; bỏ cái thân mạng là cái

rất quý mà mãi : ột eo phần tiền của là vật rất khinh, thực là khờ dại, không khác gì bọn ăn bánh quên vợ (1) vậy. Song thân mạng tuy là rất trọng, nhưng còn chưa trọng bằng cái đạo chí-thiện, cho nên đức Khổng-tử mới nói rằng : « sớm được nghe đạo, tối chết cũng hả » vậy ; ông Lão-tử thì nói rằng : « Ta sở dĩ có cái vạ lớn là vì ta có cái thân ». Đức Thích-ca ta vì cầu đạo mà xả thân cứu hồ, thế chả phải là ba ông ta đều khinh thân mà trọng đạo là gì ? Oi ! cái thân là vật rất trọng, còn nên xả đi để cầu lấy đạo, huống chi tiền tài là vật rất khinh, còn nên tiếc nó làm gì nữa ru ! Ai là người thông minh trí thức, nghe thấy lời này, tưởng cũng nên gắng mà tu học đi, còn có ngờ chi nữa. Trong kinh nói rằng : « lỡ mất một thân người này, muốn kiếp khó lại được : thực là đáng đau đớn lắm thay ! Đức Khổng-tử nói : « Người ta không chịu làm, thì ta cũng không làm thế nào được !? ta phải tự tỉnh lấy mình làm mới được.

(1) Ăn bánh quên vợ : Trong kinh bát-hạ nói : có hai vợ chồng có một cái bánh, không ai nhường ai, mới quyết nghị rằng hễ ai cất miệng nói là mất phần. Nói rồi hai vợ chồng cứ ngồi ngậm miệng nhìn cái bánh. Đến lúc kẻ trộm vào lấy hết cả đồ đạc, lại gheo cả vợ mà người chồng vẫn ngồi yên. Người vợ không thể nhịn được mới máng chồng là đồ khốn. Chồng thấy vợ nói bèn vỗ tay cười lấy bánh ăn luôn, ý nói kẻ ngu tranh cái lợi nhỏ mà mất lợi lớn vậy.

## Cô con gái Phật hái dâu

(TRUYỆN BÀ Ý-LAN, PHẬT HÓA

LỊCH - SỬ TIỂU THUYẾT)

(tiếp theo)

Gồm, chả bù với một cô con gái nhà ông quan lớn nào ở ngoài kinh hôm nọ về lễ chùa ta, ngỡ là con nhà quan thì khác con nhà thường dân thế nào, chúng cháu đi đi sát mãi vào bên, chúng cháu xem, thì chỉ được bộ quần áo gấm rất sang, chứ tóc thì dễ tře, mặt trát phấn bự lều, bờ môi thắm loang-lổ, trơ cả cái màu da hồ-dun ra, cô ạ.

Cám luma lỉm không nói gì và ngồi xuống. Cái Đì Đòng, người hiền lành đã đến ngoài 20 tuổi, nhỏ nhỏ nói :

- Ngày sau cô có giàu sang, cô nhớ đến các cháu với nhé.

Cái Tí Nam vội tiếp ngay :

- Bây giờ cô có tiền có chuộc ngay cháu về để cháu hầu hạ cô. Không biết làm sao mà cháu chỉ muốn ở gần bên cạnh cô, được trông thấy cô, được nghe cô giảng về đạo Phật, về nết-na ần làm, thì cháu mất ruột quá. Chẳng cứ gì ngày sau, bây giờ chúng cháu cũng đã tra tấm lòng cô lắm rồi. Cô là bậc nào, chúng cháu là bậc nào, mà cô thương đến các cháu, chuyện trò dạy bảo cho các cháu như là con cháu ở trong nhà của cô. Chứ này, cô liền con gái ông Khán giàu nhất xóm ngoài, chúng cháu gặp mà trào, không bao giờ cô ấy thêm gặt đầu chử chả nói của giả nhời nữa đâu, cô ạ.

Cám ngạc nhiên nói :

- Sao lại phải chuộc, tôi tưởng chị ở năm với nhà bà Hương Ba đấy.

Cái Tí Nam giả lờj :

- Không, quê cháu ở dưới nam kia, năm ấy cháu lên

8 tuổi. trời làm mất mùa, bố cháu phải đem cháu lên trên này đợ cho bà Hươg-Ba đợc 5 quan đê về nuôi các em cháu đấy, cô ạ. Cái Đĩ Đông này cũng một số phạn như cháu đấy.

Tí Nam vừa nói vừa trở vào cái Đĩ Đông. Như gặp đợc vị thầy cứu mệnh, nhưng kẻ oan khốc đợc địn đem nỗi đau khổ bấy lâu vùi kín dưới vạt lòng ra mà tổ cáo cho hết. Cái Đĩ Đông rơm rớm nước mắt, 2 tay vừa cẩu cái lá đa vừa đủ dĩ nói :

— Cháu thì què ở mãi dưới Đông vùng gần bờ. Thấy cháu chết sớm. U cháu phải nhờ người quen đem cặm cháu cho nhà ông Xã Hào, 6 quan, từ ngày cháu lên 10. đê về giả nợ cho thầy cháu đến nay đã 13 năm, vị chi cháu nay 23 tuổi. Từ đó cháu chả đợc về thăm quê lần nào. Cháu nhớ U cháu và em cháu thì chỉ khóc thầm khóc vụng, ông Xã biết thì lại đánh. Vài năm đầu U cháu lên thăm cháu, ông Xã mắng, bảo : bao giờ có tiền thì lên mà chuộc con, chứ đi lại lăm lỏi lại quyến-dũ nhau đi. Vì thế U cháu không dám lên thăm cháu nữa.

Cô Cám nghe thấy tình cảnh Đĩ Đông nói đã đáng thương hại mà nó lại vừa nói vừa sùi sụt thì cô không cầm lòng đâu cũng nước mắt chảy quanh, định hỏi sang lượt 2 con bé lớn nữa thì nghe-nghe không nói lên lời, chỉ trông sang mé 2 hai đứa ấy. Một đứa trong 2 đứa biểu ý cô Cám giữ lòng thương sót muốn biết chuyện chúng nó thì nó nói ngay lên rằng :

— Hai chúng cháu thì cùng ở trong hàng tổng ta đây. Cháu lên là cái Hồi, thầy cháu là ông Xã cụ vì bị kiện phải cố cháu cho nhà bà Xã Hai đợc 15 quan đê về lễ quan không thì bị tù. Cố từ nam cháu 18, nay đã 7 năm. Còn chị Thảo này cũng con một ông Lành đấy, khi ông Lành chết, ma làng ấy nặng lắm, nhà chị ấy thì xa-sút, họ-hàng



người ta phải đem cầm chị ấy cho bà Trương Đa, 18 quan, về lo ma, Cầm từ năm chị ấy 19, nay đã 8 năm.

Nói đến đây cái Hối thở dài tỏ ý thất vọng nói tiếp :

— Thôi, chúng cháu cũng liệu một đời với cái số kiếp con nhà nghèo đấy, cô ạ.

Cái Tý nam tỏ ý can đảm nói sen vào :

— Nghèo thì đừng khổ u, cần gì. Chả một gì chúng ta, tôi thấy ở đâu cũng thế. Lại còn cả con gái nữa kia.

Cám nghe chúng nói thì cô thấy cảm đến tận đáy lòng. xót thương cho chúng khôn siết, nhưng biết làm thế nào, bèn tìm lời an ủi :

— -Thôi thì các chị cứ chịu khó làm ăn cho hết sức. tất nhà chủ người ta sẽ gây dựng cho con nuôi, hay là tha nợ mà cho về.

Bốn đứa vội cùng hua-hua lên một lời :

— Đời nào. Có tham có ngiệp mới giàu, cô ạ. Người ta lại biết thương người như cô thì chúng cháu có phúc tầy đình.

Thật đấy, tôi mà có của thì tôi giúp cho các chị ngay.

Cám nói chưa rút lời, con Tý-nam nhanh-nhẩu nói :

— Đề cháu về ở hầu cô trọn đời.

— Không, nếu giúp được thì cho các chị về với cha mẹ anh em mà lo gây dựng lấy cái đời mình, chứ lại bắt ở hầu thì lại cũng như người ta.

Cám nói đến đây, con Tý-nam ngồi xê ngay vào bên cái cô yêu quý của nó, nó khẽ vô tay vào đùi cô nó và ghé mặt gần vào bên tai cô nó vừa chép miệng vừa nói nhỏ :

— Này, cô này, Chị Hồi với chị Thảo, ở làng đều có người dạm đã lâu rồi cả đấy. Nhưng 2 nhà gái ấy cũng nghèo lắm không lấy gì làm tiền cưới về nhà gái chuộc dâu về cho.

Nhiều lâu người nhà sang lấy van khất giả dẫu nợ về sau, nay hãy xin người về cho được thành gia-thất, nhưng đều không ăn thua gì cả.

Cái Hồi và cái Thảo biết rằng con Tý-nam nó thóc mách chuyện dẫu của mình thì hai đứa cùng sấu hổ, cùng cúi gằm mặt xuống và cùng mân-mê cái giải thất lưng rách của mình cho có việc để đỡ thẹn. Cảm nghe nói rồi đề ý ngấm lại hai đứa ấy, thấy chúng đều có vẻ mặt sinh tươi, sức-vóc khỏe-mạnh thì cô tự nghĩ: có lẽ người ta sẽ bắt những đứa này làm thân trâu ngựa cho họ đến chọn đời. Họ chỉ biết lợi kỹ chứ họ có xét đâu đến cái khổ-tình của kẻ khác. Nói thế rồi cô không sao nén được lòng, bỗng thấy đôi cái vẻ nhàn lảnh ra cái giáng tức tối mà nói cách rần rỏi lên rằng: « — ở đời, ai cũng muốn cõi trời cho mình, nhưng không ai nghĩ cõi trời cho người khác với, thì sao được. » Nói xong cô lại tự nghĩ: cõi trời được cho cái hạng người này thì tức là một sự tế-độ rất lớn ở trong đạo Phật chứ gì. Chứ người đời họ chỉ lo cúng tráo mà gọi là tế-độ ư.

Nghe Cám nói câu trên ấy thì chúng nó như phải đề ý suy nghĩ một chút rồi cũng cùng hiểu ít nhiều ý-nghĩa của câu nói ấy, cùng nhau gật đầu lấy làm phục cái cô đã có đi học và là « con nhà tông » có khác. Con Dĩ Đông bỗng bật lên một câu tự nói trống không rằng :

— Cái việc đi đón bắt con bé ở theo giai ở sớm ngoài từ sáng hôm nay không biết thế nào ?

(còn nữa)

Ng. tr. Thuật.

Phật giảng cái nghĩa chân  
Bình-dẳng



Độ một người Đồ-thùng

**Xem bộ Lịch-sử Phật-tổ mới in xong giá 0\$70**

« Những chỗ bùn lầy ô-uế mà nở hoa sen tươi tốt, thì cũng như các người thấp hèn mà thành người hiền đức, tu được giới hương, châu dôi pháp bảo, đó có khác gì cái hoa sen đẹp kia mà ai trông thấy lại không ưa muốn ! »

# THỜI SỰ

## TIN TRONG NƯỚC

### Động binh

Ở bên Âu-châu, sau khi Đức quyết kế không những ngấm chiếm lấy Danzig lại đại cử sang đánh Ba-lan, vì giữ lời hứa binh vực cho Ba-lan, Anh và Pháp bắt buộc phải coi như là đã tuyên chiến với Đức từ chiều ngày 3-9. Đến ngày 5-9, tin Paris nói: Bộ Thuộc-địa đã tiếp được tin các thuộc-địa Pháp, đều đã tuân hành lệnh động-binh một cách rất hăng hái. Tại Đông-dương, Quan Toàn-quyền Ca-roux sang thay Quan Toàn-quyền Brivié về Pháp có công cán, ông Catroux đi máy bay đã tới Hanoi. Ngài kiêm cả chức Đại-tướng. Chính-phủ đã ra lệnh động-binh một phần. Và tiến hành việc phòng thủ rất gấp. Lo cho dân về khi máy bay quân địch đến ném bom, trong các thành-phố, các tỉnh-ly, Nhà nước đều cho đào những cái rãnh chạy chữ chi ở những nơi bãi đất rộng, để khi có còi báo động thì dân chạy ra ngồi vào trong rãnh đó sẽ không bị những mảnh bom văng ngang vào người. Và thành-phố đã yết thị cho dân biết những cách tránh nạn khi có bom của quân địch ném.

Từ ngày 29-8, quan Quyền Toàn-quyền Graffeuil đã ký nghị định cho thi-hành luật sung công tài-sản và nhân dân ở khắp cõi Đông-dương, cả Quảng-châu-loan, bắt đầu từ ngày 2-9. Việc sung công theo như các sắc-lệnh ngày 2-5-1939 và ngày 6-12-1938. Quyền sung-công các xưởng kỹ-nghệ và các hàng hóa để trong các kho của nhà Đoan, trong các kho chứa hàng và cả các hàng trong khi xe lửa đang chở, thuộc về các quan Thống-sứ. — Những tài-sản mà Chính-phủ tạm sung-công chỉ dùng trong thời kỳ nhà binh

cần đến mà thôi. — Còn các người không phải là binh lính mà Chính-phủ cũng gọi ra là để giúp vào các công việc phòng-thủ trong xứ (Trích báo Trung-bắc ngày 4-9)

Bởi luật trên ấy nhà chức-trách đã thu những ô-tô nhà, ô-tô hàng, ngựa của tư-gia, nhà nào có nhiều thì hăng thu một phần, ở các ga lớn có lính khám thẻ và hành-lý của hành-khách. Tại Hanoi lấy vài trường công như trường Sinh-tử' cho lính đóng. Nhân dân thấy thế sợ hãi tưởng như chiến-tranh tới nơi, nên kéo nhau ở thành-phố về nhà quê tới tấp. Song phải biết đó còn là luật-lệnh phòng-bị đó thôi.

Vài hôm nay nghe ngóng tình-hình xứ này, trong ngoài vẫn yên ổn, nên những người thành-phố đi lánh nạn về các nơi nhà quê đã lục-tục tìm ra nơi cũ.

### Những kẻ đầu cơ

Trong mấy hôm, ngày 5, 6, 7 tháng 9 này, thấy người ta đi lánh nạn đông lắm, nhiều hãng ô-tô hàng, tàu-thủy họ bắt chẹt hành khách tiền cước gấp đưỡi có khi gần bội nhĩ. Các báo đã phải kêu ca. Cho biết bao giờ những kẻ lợi-kỹ cũn không biết thương ai. Thực như câu ngạn-ngữ : « trâu chết ăn trâu, bò chết ăn bò, cú tởi dất lưng ».

### TIN THẾ-GIỚI

#### Việc chiến-tranh ở Âu-châu

Đức quyết chiến lấy Danzig, Ba-lan quyết không chịu nhượng bộ Anh, Pháp can ngăn Đức không nghe, Đức hăm dả đại cử lực-quân, không quân sang đánh vào nhiều thành ở ba mặt mé tây giáp Đức của Ba-lan. Ba-lan là một nước trước đây bị Đức Áo và Nga chia cắt đủ bao lâu mà nhân dân không một ngày nào không lo tìm kế khôi phục. Thế giới rất khen ngợi, đã có cuốn

sách « Ba-lan diệt-vong sử » của Tàu nói tương tự. May gặp dịp sau hồi đại chiến, các nước Đồng-minh bắt Đức và Nga giải lại đất Ba-lan mà cho độc lập. Lại các thành Dantzig của Đức cho Ba-lan quân hạt. Đến nay tân tạo, chưa được 20 năm thì lại bị Đức mưu thần tính. Như thế lẽ nào người Ba-lan chịu nổi : « Thà chết chẳng trả mất đất tự-do », người Ba-lan cử-quốc gia trẻ gái trai đều ra trận kháng chiến. Dân hơn 35 triệu, trí thức mở mang, khí giới cũng tinh nhuệ lẫn n, người dân giàu lòng ái-quốc một cách nhiệt-liệt đã có tiếng. Ngoài lại nhờ 2 cường-quốc Anh, Pháp đỡ đầu cho lại hứa binh vực tời cùng. Nên dân Ba kháng chiến rất hăng.

Tin ngày đầu tháng 9, trận nào Ba cũng hạ được nhiều máy bay, bắt được nhiều tù binh của Đức. Như tin Paris ngày 2-9, nói Ba công-hố hạ được 27 chiếc, phi cơ và phá được 100 xe tăng của Đức. (Đông-pháp ngày 4-9).

Nhưng vì quân Đức quá đông và quá mạnh. Tin Paris, 8-9 Tin Arip nói : Quân Đức đã chiếm hành-lang, Poznan và Kattowice. Lại có tin họ lấy cả Cracovic. Giữ nhời hứa bảo vệ cho Ba lan, 2 nước Anh Pháp đã coi như khai chiến với Đức tin ngày 3-9. Máy bay Anh đã ném hạt tầu chếu Đức. Quân Pháp thì đã tiến vào mé mạn đất Đức 10 cây số.

Tin Varsovie (kinh-đô Ba-lan) ngày 9-9 nói đội quân Ba chống giữ ở giải đất Lertterphalte gần Dantzig có 200 người trong trại đạn dược, sau 6 ngày kháng chiến rất oanh liệt họ đã phải hàng quân Đức.

Còn Quân Pháp tấn công ở hàng chiến-lũy Siegfried của Đức, theo tin Paris ngày 9-9, vẫn dần dần tiến lên phía các đồn binh của bên địch.

Còn các cường-quốc khác, Mỹ đã tuyên bố trung lập. Nhất là Ý ở Âu, Nhật ở Á hai nước bại thân của Đức nay cũng nói trung lập, đó là một sự lo lớn cho Đức.

## SÁCH MỚI

Bản báo mới tiếp được quyền Phát giáo Khái-luân là một tác phẩm rất có giá trị, lời lẽ tuy vẫn tất nhưng bao hàm tất cả ý nghĩa của các tôn giáo hành ở nước Tàu của Thầy Thích-mật-Thê gửi tặng giá bán 0\$40 ở kèm thêm tiền cước phi. Ai muốn thỉnh, thư từ và mandat xin đề cho M. Tôn thất Tùng Voirie Huế.

Vậy xin cảm ơn Tác giả và giới thiệu cùng các độc giả.

D. T.

## CÁC NGÀI ĐỌC SÁCH KHÓA HƯ

Có nhiều ngài hỏi rằng Đuốc- Huệ là Khóa-hư bỏ, xói chữ nhỏ, xin trả lời để các ngài rõ, rằng Vì muốn in cho đối chiếu nhau, Nghĩa đến đâu thì đặt chữ đến đấy, mà nghĩa thì bạn thêm ra, nhiều, nên có, kỳ không có chữ nhỏ, các ngài xem lại sẽ rõ, không phải là bỏ sót đâu.

D. T.

## TIN CÁC HỘI VIÊN QUÁ CỠ

M. Nguyễn hữu Vinh, 18 ngõ Nam-ngư Hanoi, viên tịch ngày 7-7-39.

Sư cụ Nguyễn văn Tý, trụ trì chùa Đông-lâm, làng Tiên-am Vĩnh-bảo Hai-dương, viên tịch ngày 13-7-39.

Cụ Tuấn bà Bắc-giang Lưu thị Xuyên, viên tịch ngày 2 Juillet 1939.

M. Nguyễn-Tảo, 54 Hàng Đào Hanoi viên tịch ngày 9 Aout 1939.

Cụ bà Ngọc-Anh, 48 Hàng Đường Hanoi, viên tịch ngày 9-8-39.

M. Đoàn công Cận, Đại lý ngoại bộ chi hội Phật giáo Cung thuận (Sơn tây) viên tịch ngày 11 tháng 6 ta 1939.

Sư cụ Minh Đăng, Đại lý nội bộ chi hội Phật giáo Cung thuận (Sơn tây) viên tịch ngày 24 tháng tư ta 1939.

Bà Phạm thị Cống làng Nghĩa xá phủ Xuân trường Nam định viên tịch ngày 26 tháng 6 (Annam).

# HỢP THO

(Các vị đã trả tiền báo Đuốc-Tuệ bằng Mandat)

M. M. Mai văn Tiến Thái bình (100-122)	1\$50
Vũ văn Nhạc Hải Dương (76-122)	3.00
Từ-lâm Thanh Hải Dương (100-122)	1.50
Vũ duy Học Nam Định (100-122)	1.50
Nguyễn văn Mỏ Nam Định (100-122)	1.50
Đoàn cao Đạt Saigon (76-146)	4.50
Lý văn Khoản Thủ dầu một (100-122)	1.50
Lê tự Oanh Đồng hới (100-122)	1.50
Hội Phát-học Quảng-bình (76-99)	1.50
Đương văn Ty Saigon (100-122)	1.50
Nguyễn văn Cường Saigon (100-122)	1.50
Lê văn Lạc Saigon (100-146)	3.00
Giáo-thọ Giác-minh Vĩnh-long (100-130)	2.00
Cao thiệu Nguyễn Bắc-liên (70-99)	2.00
Hứa tự An Phan-thiết (100-122)	1.50
Mai văn Thao Hà-tĩnh (76-140)	4.50
Nguyễn văn Cư Phủ Lạng-thương (111-125)	1.50
Đỗ văn Giai Hải-phong. (1-111)	4.40
Hồ-Châu Tam-quan (100-122)	1.50
Trần mộng Lân Nha-trang (76-122)	3.00

## KINH CÁO

Không phải phải hỏi, các ngài cũng biết rõ rằng đang lúc này mà in được một quyển báo một quyển kinh ra đời thực là muôn phần khó khăn vì giấy khăn đắt mà thợ mua làm. Vậy xin các ngài cũng nên biết rõ chỗ ấy mà thế lượng cho những sự ra chậm, và sẵn lòng giúp về đường tài-chính cho thực là công đức vô lượng vậy.

**Bộ Lịch-sử Phật-tổ đã in xong**

Đóng thưởng gĩa	0\$70
Đóng kỹ	0.90
Mạ vàng	1.20

Ở xa thêm tiền cước 0.15. Ngài nào muốn gửi báo đảm cho khỏi mất sách, xin gửi thêm 0.20